



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 4

Ngày 31/12/2025	15,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.7%	-0.2%	9.4%

DT thuần Q4/25
112
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 42.7 61.0%
YoY: ▼ 2.00 -2.1%

LN thuần Q4/25
28.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 22.4 391%
YoY: ▲ 1.80 7.0%

LN sau thuế Q4/25
26.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 22.0 487%
YoY: ▲ 1.60 6.5%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
14.7%
YoY: +/- ▼ 1.5%

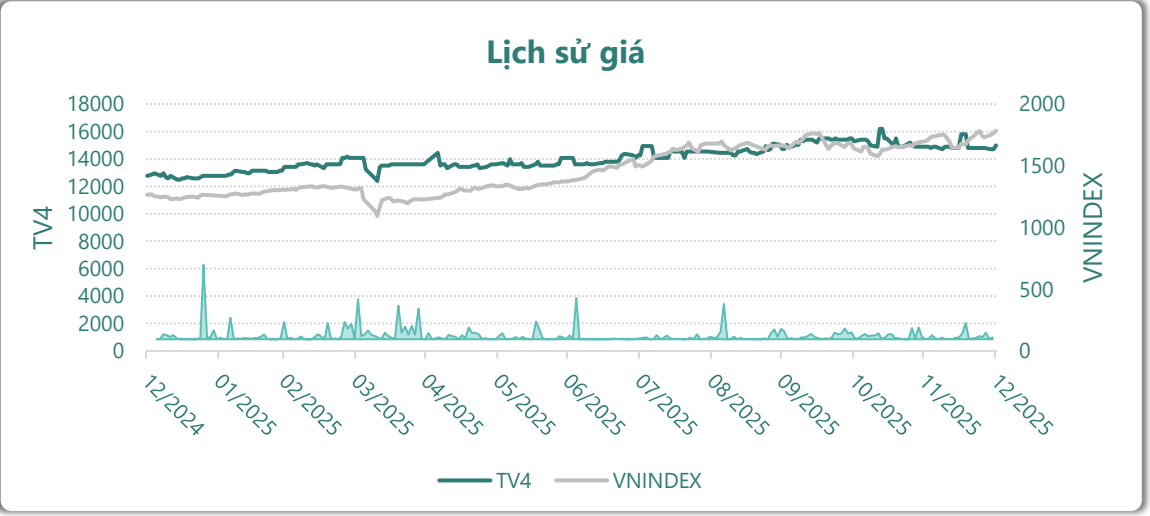
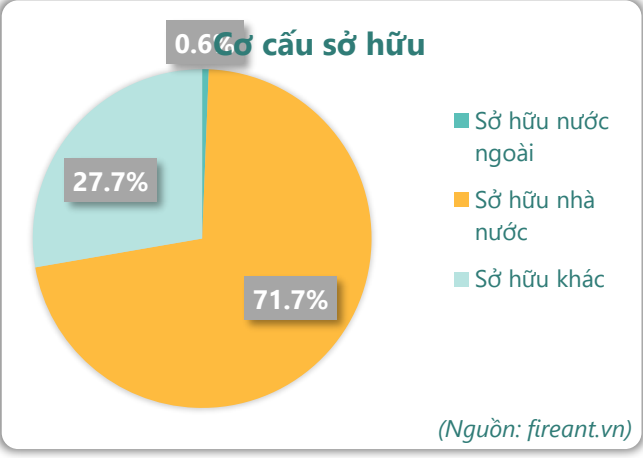
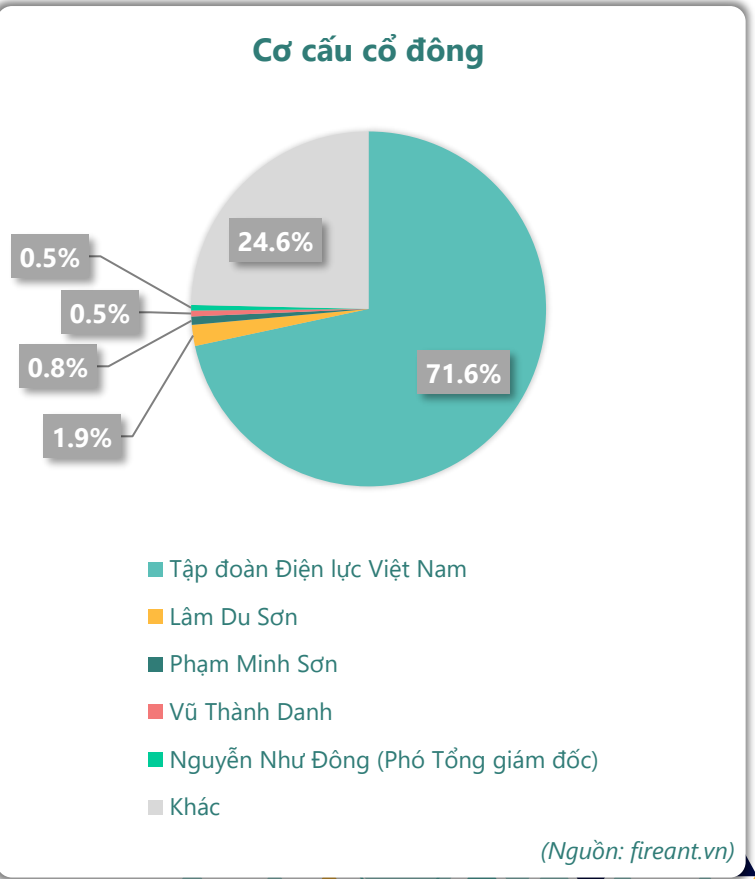
ROE 2025
13.7%
YoY: +/- ▲ 2.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,395 - 16,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	297
Số lượng CPLH (CP)	19,781,493
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,960
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.11
EPS	1,868
P/E	8.0

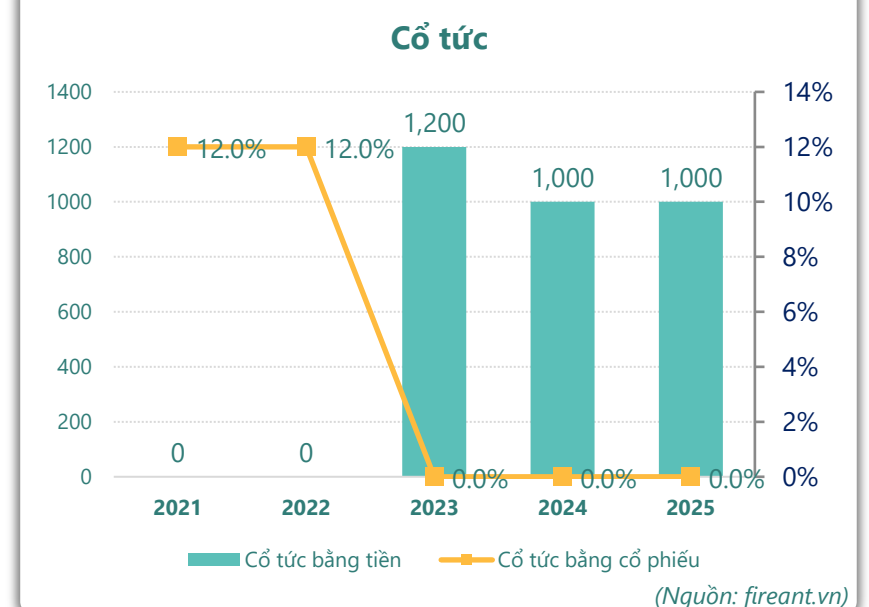
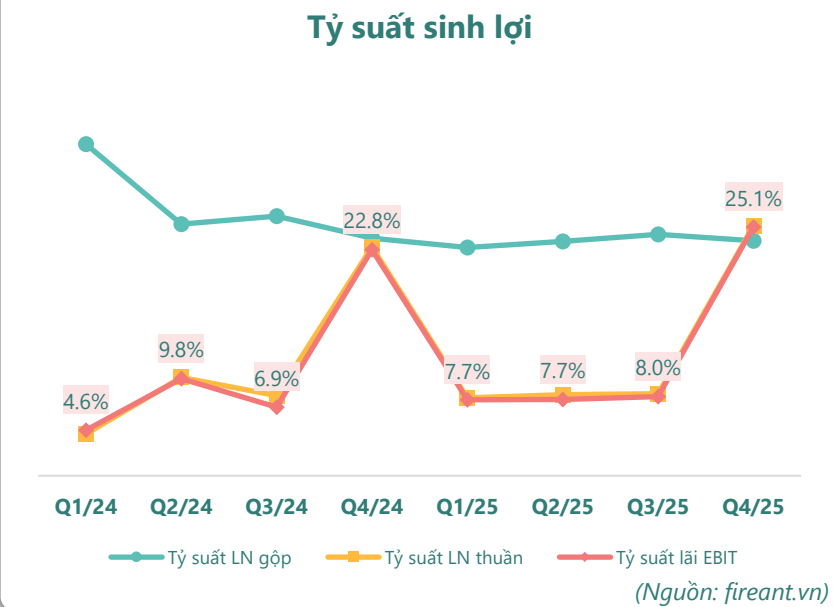
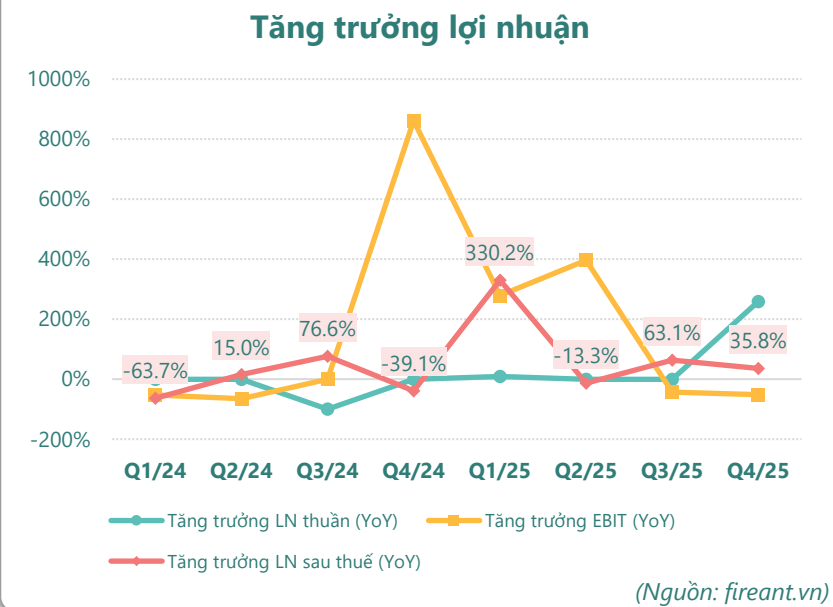
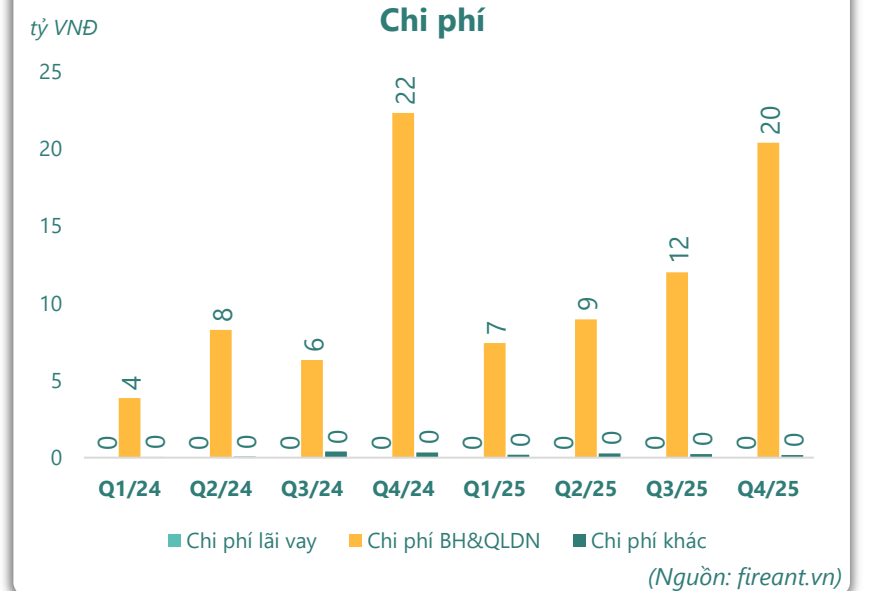
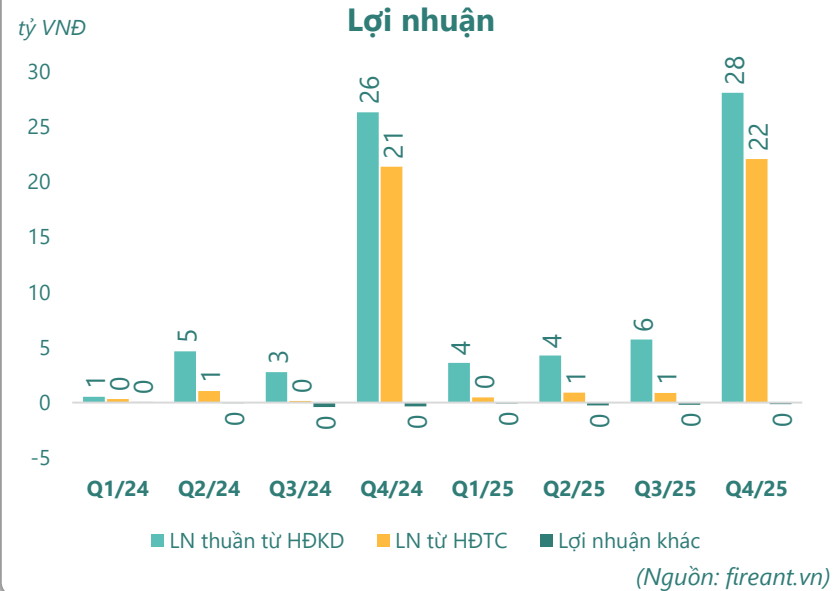
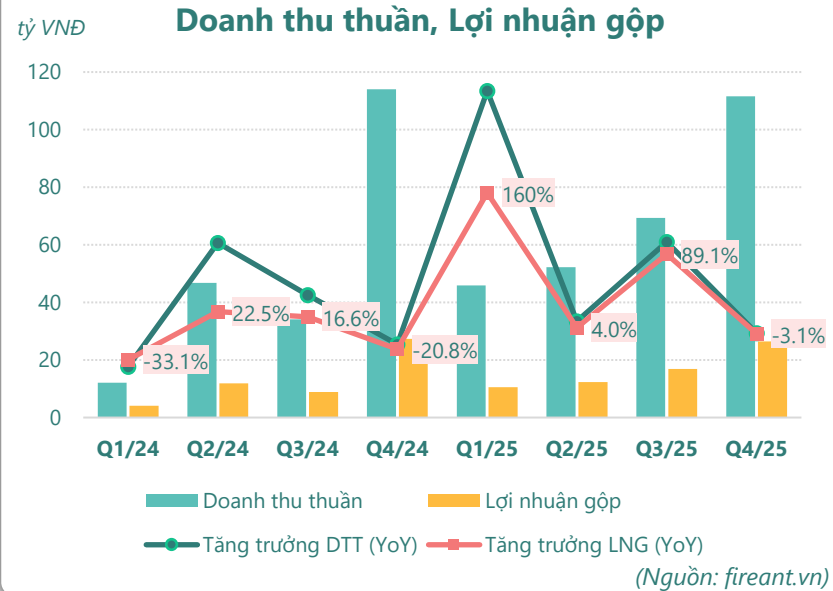
DT thuần 2025
279
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 72.0 34.7%

LN thuần 2025
41.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.40 21.9%

LN sau thuế 2025
37.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.30 20.4%



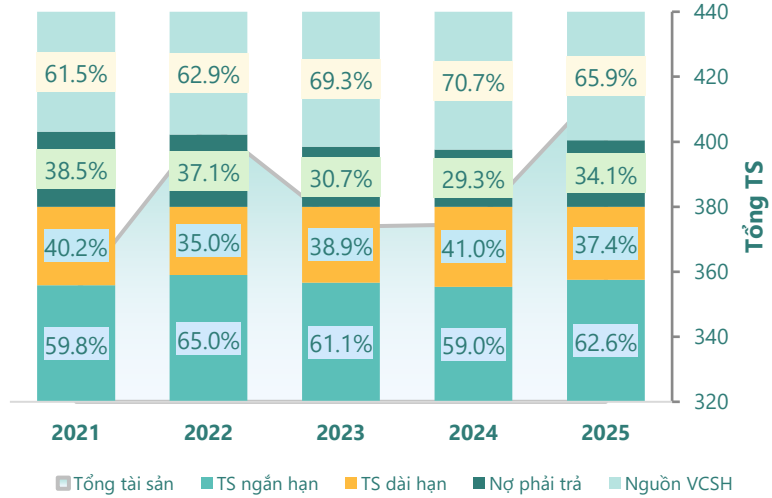
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

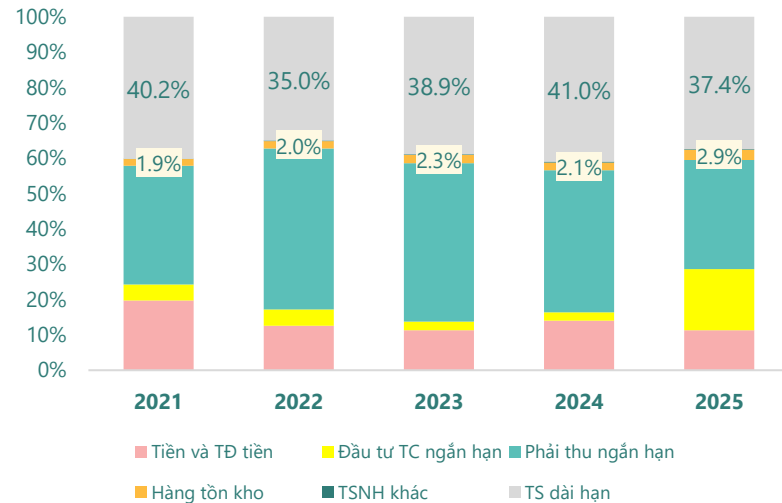
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

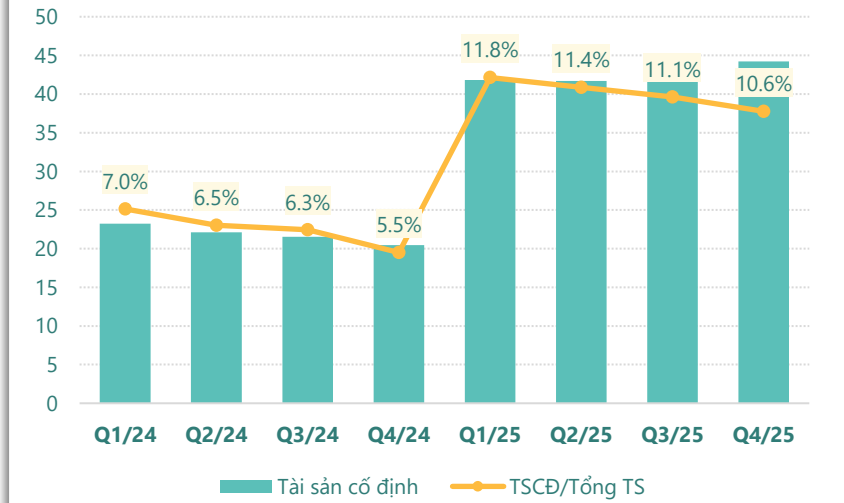
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

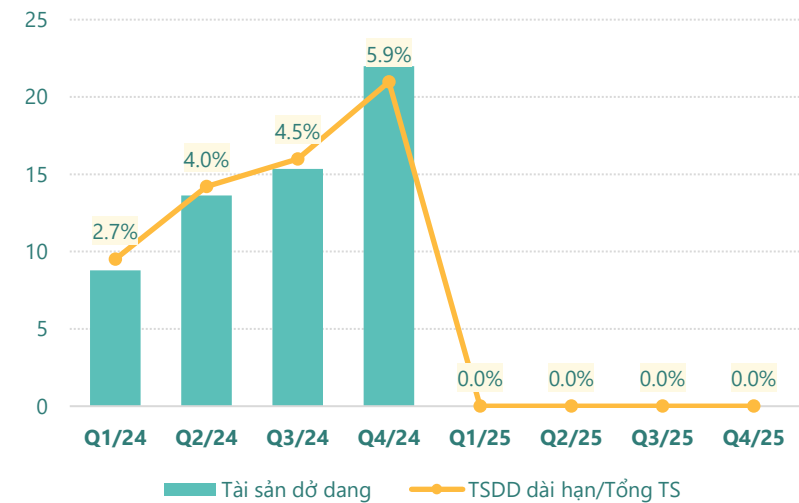
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

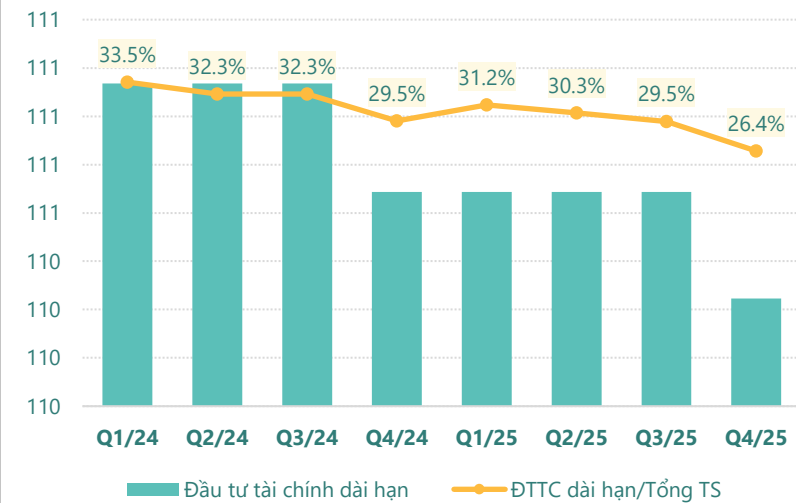
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

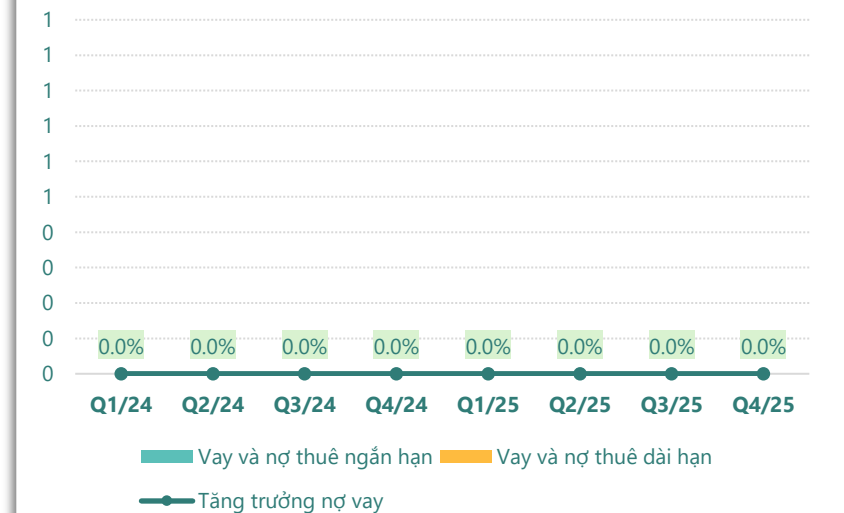
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

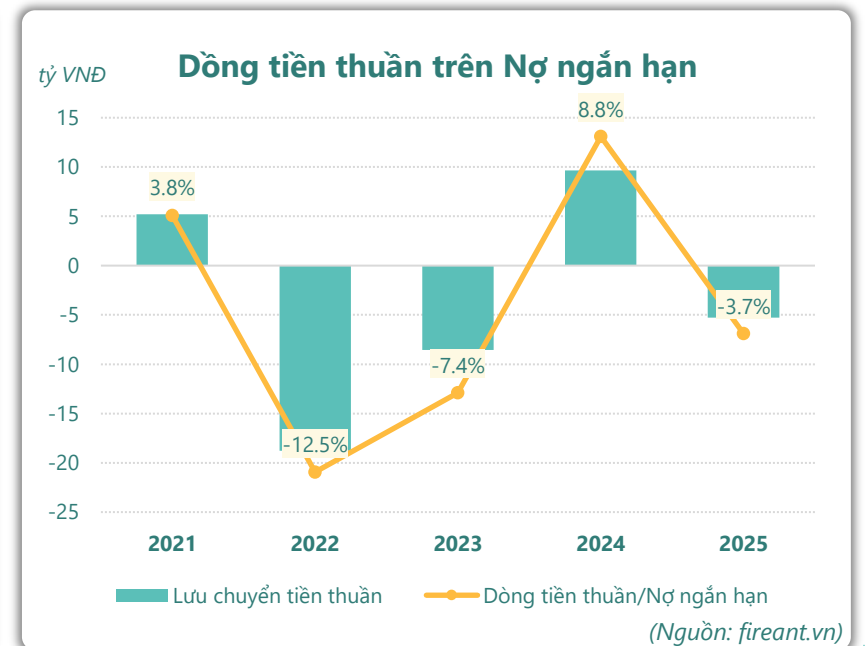
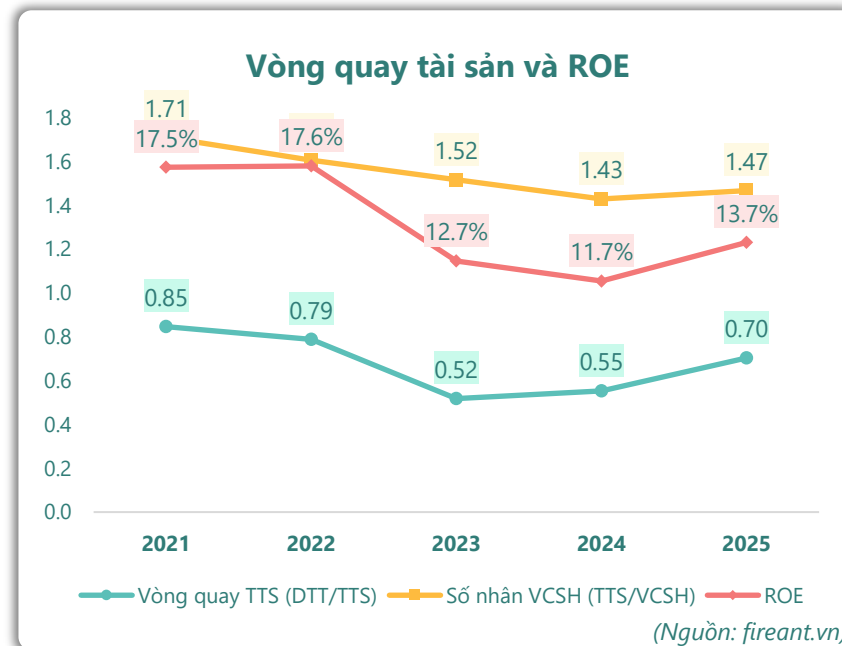
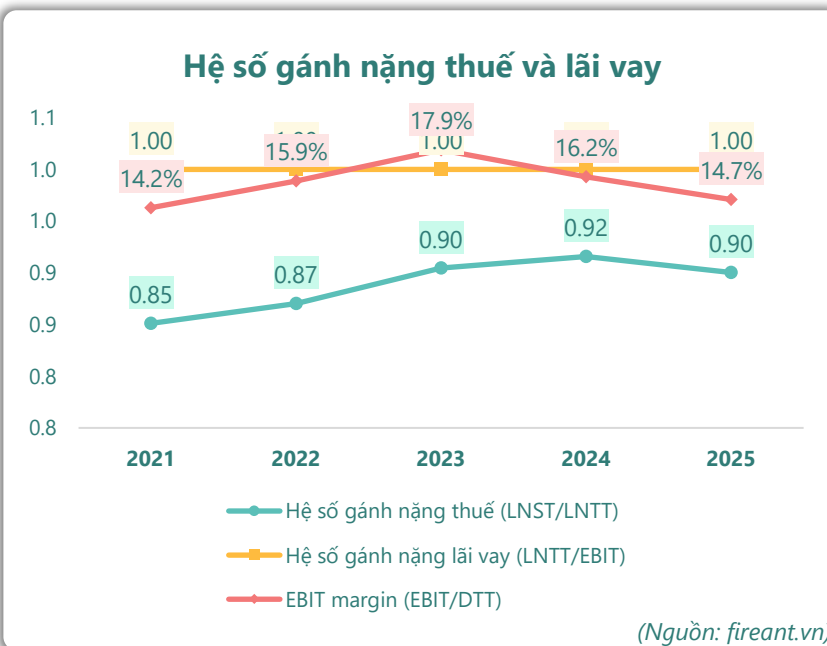
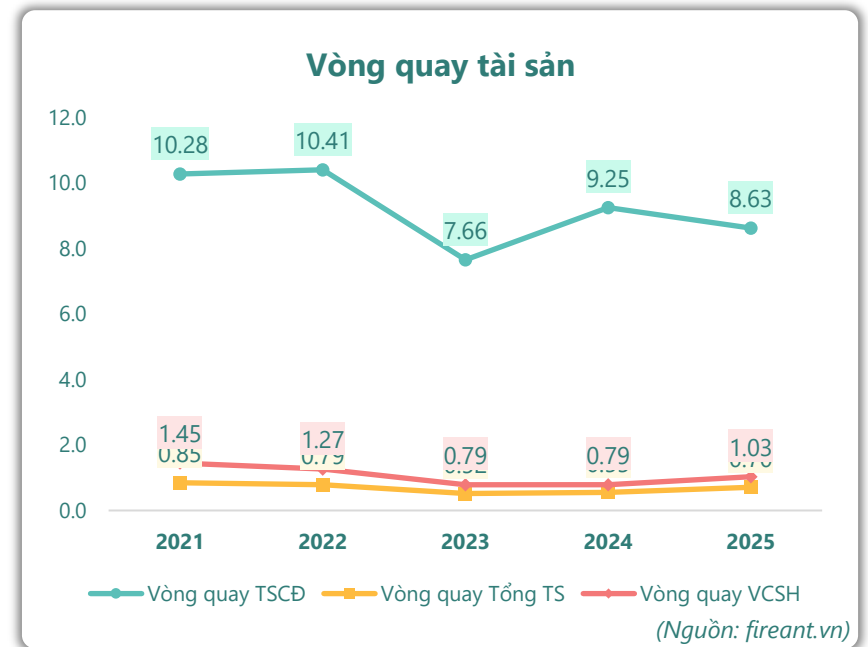
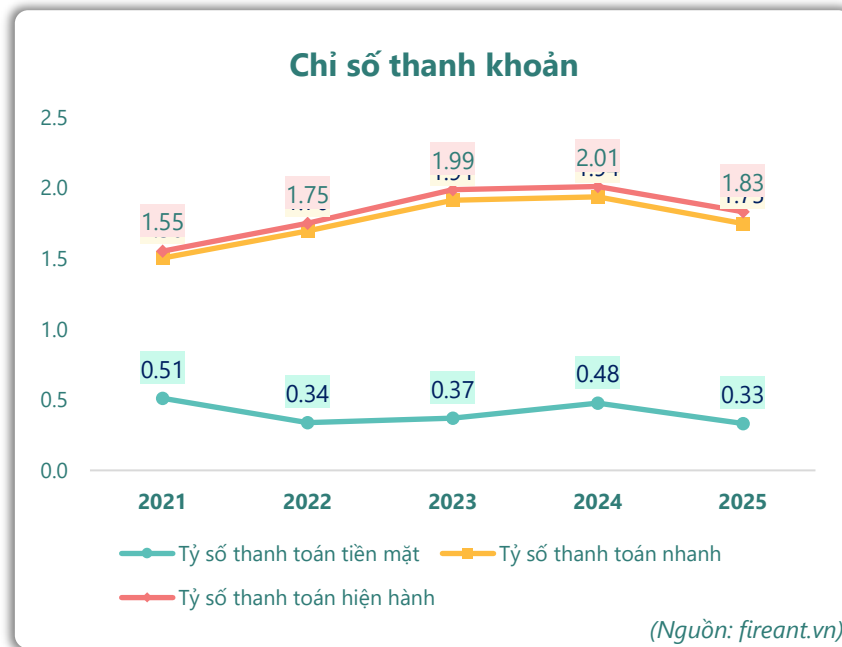
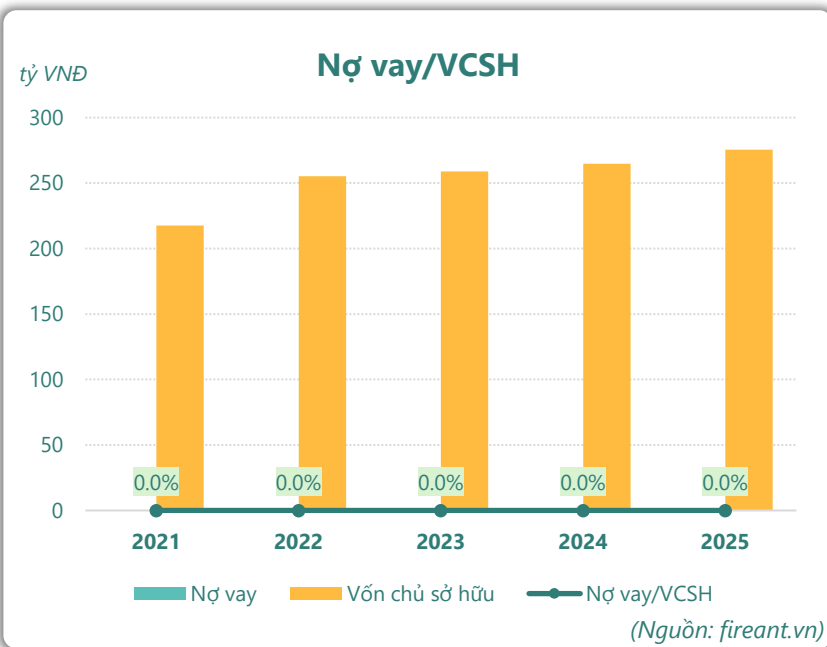
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	112	114	-2.1%	279	207	34.7%
Giá vốn hàng bán	85.1	86.7	-1.8%	213	155	37.3%
Lợi nhuận gộp	26.5	27.3	-3.1%	66.2	52.2	27.0%
Doanh thu HĐTC	22.2	21.5	3.3%	24.5	23.3	5.5%
Chi phí TC	0.12	0.13	-8.0%	0.18	0.33	-45.9%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	20.4	22.4	-8.8%	48.8	40.8	19.6%
LN thuần từ HĐKD	28.1	26.3	7.0%	41.7	34.3	21.9%
Lợi nhuận khác	-0.13	-0.33	60.3%	-0.69	-0.74	7.4%
LN trước thuế	28.0	26.0	7.7%	41.1	33.5	22.5%
Lợi nhuận sau thuế	26.5	24.9	6.5%	37.0	30.7	20.4%
LNST của CĐ cty mẹ	26.5	24.9	6.5%	37.0	30.7	20.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.61	-12.6	-0.54	56.7	-12.6	13.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.96	14.3	-0.86	-40.9	-6.89	6.41
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	-19.8
Tiền đầu kỳ	46.3	50.7	52.4	51.0	66.8	47.3
Lưu chuyển tiền thuần	4.65	1.67	-1.40	15.8	-19.5	-0.14
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.21	0	0	0	0	0.27
Tiền cuối kỳ	50.7	52.4	51.0	66.8	47.3	47.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	418	375	11.6%
Tài sản ngắn hạn	262	221	18.5%
Tiền và tương đương tiền	47.4	52.4	-9.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	72.0	9.00	700%
Phải thu ngắn hạn	129	150	-14.1%
Hàng tồn kho	12.0	8.04	49.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.01	0.96	5.4%
Tài sản dài hạn	156	154	1.8%
Phải thu dài hạn	0.19	0.23	-17.8%
Tài sản cố định	44.2	20.5	116%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	22.0	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	110	111	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	1.67	0.44	276%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	143	110	30.0%
Nợ ngắn hạn	143	110	30.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	28.4	15.7	81.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	275	265	4.0%
Vốn chủ sở hữu	275	265	4.0%
Vốn điều lệ	198	198	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

